TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LẠC** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HS-ST
Ngày 16/5/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC-TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Nhường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lãnh Thị Mai.

Bà Nông Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đàm Nhật Hoàng-Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên-Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/5/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử Công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2025 đối với:

** Bị cáo:*

Làu A T, tên gọi khác: Không. Sinh ngày 04/11/1999 tại P, B, Cao Bằng;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm B, xã S, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Mông; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; con ông: Làu A T1, sinh năm 1987 và bà Thào Thị V, sinh năm 1983; có vợ là Thào Thị D, sinh năm 1997 và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/02/2025 đến nay, bị cáo tại ngoại (có mặt).

** Người bào chữa cho bị cáo Làu A T*:

Ông Bế Kim T2-Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. (có mặt)

* ***Nguyên đơn dân sự:***

Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng-Người đại diện theo pháp luật là ông Vũ Văn Đ-Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự: Bà Nông Thị D1- Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Cao Bằng (quyền chủ tịch). (Vắng mặt- Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2.3. Người làm chứng*:*

Làu A T1, sinh năm 1987. (có mặt)

Thào Thị V, sinh năm 1983. (có mặt)

Hoàng Thị T3, sinh năm 1968. (có mặt)

Làu Thị Đ1, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Làu Thị D2, sinh năm 1996. (vắng mặt)

Lý Thị D3, sinh năm 1996. (vắng mặt)

Sùng Thị S, sinh năm 1969. (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Bản K, xã S, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

2.4. Người phiên dịch: Ông Hầu A H; sinh năm 1992; địa chỉ: Xóm C, xã X, huyện B, tỉnh Cao Bằng. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/03/2024, Hạt kiểm lâm B1, Cao Bằng tiếp nhận tin báo của người dân (không tiết lộ danh tính) về việc xảy ra phá rừng tại xóm B, xã S, huyện B, Cao Bằng. Sau khi tiếp nhận tin báo Hạt kiểm lâm huyện B1 đã tiến hành kiểm tra, xác minh xác định: Làu A T, sinh năm 1999, trú tại xóm B khuông, xã S, huyện B, Cao Bằng là đối tượng phá rừng, T đã dùng cưa để phá những cây gỗ to và thuê 07 người dùng dao chặt, phát dọn các bụi cây nhỏ gồm: Bố, mẹ, bà nội, hai cô ruột của T, Sùng Thị S đều cùng trú tại Bản K, S, Bảo L và Lý Thị D4, trú tại Bản T, S, B, Cao Bằng. Vị trí rừng bị phá thuộc lô 44, khoảnh 03, tiểu khu A thuộc một phần thửa đất số 137, tờ bản đồ số 01. Loại rừng: Rừng sản xuất, hiện trạng: Rừng tự nhiên lá rộng thường xanh phục hồi. Chủ quản lý trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là Cộng đồng xóm Khau Cà cũ (nay là xóm B khuông), nhưng thực tế hiện nay do Ủy ban nhân dân xã S quản lý, cộng đồng xóm B, xã S được hưởng tiền dịch vụ môi trường rừng từ năm 2022 đến nay.

Sau khi tiếp nhận tin báo, Hạt kiểm lâB1 đã phối hợp với các cơ quan chức năng và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh C tiến hành đo đếm diện tích rừng bị phá và số lượng cây bị chặt phá. Kết quả: diện tích rừng bị phá là 14.047,4 m^2, các cây gỗ bị chặt phá gồm 666 cây gỗ thông thường (Vối thuốc, Xoan rừng, C lò, M rừng, và không có cây thuộc loại nguy cấp quý hiếm), có tổng khối lượng: 53,205m^3. Sau khi xác định có dấu hiệu của tội huỷ hoại rừng, Hạt kiểm lâm huyện B1 đã ra Quyết định khởi tố vụ án và chuyển vụ án cho Công an huyện B điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, xác minh đối tượng Làu A T không có mặt tại địa phương, T đi làm công nhân ở ngoài tỉnh không cố định, Cơ quan điều tra không triệu tập và lấy lời khai được, thời gian điều tra đã hết, vụ án phải tạm đình chỉ, đến ngày 14/02/2025 Làu A có mặt theo giấy triệu tập của Cơ quan điều tra, vụ án được phục hồi điều tra. Tại Cơ quan điều tra Làu A T khai nhận: Ngày 25/02/2024, sau khi sinh hoạt đạo tại điểm nhóm Khu Ổ, thuộc xóm B, xã S, B, Cao Bằng xong và đi về thì Làu A T có hỏi mọi người "có ai đi phát cây rừng tại đằng sau nhà T không". Có mấy người nói "vừa tiền thì làm", T có bảo tổng tiền phát cây sẽ trả tiền công là 3.000.000 đồng. Thì có bố T (Làu A T1; sinh năm 1987), mẹ T (Thào thị Vàng; sinh năm 1983), bà nội Thào (Hoàng Thị T4; sinh năm 1968), hai cô rột (Làu Thị Đ1; sinh năm 1989 và Làu Thị D2, sinh năm

1996) đều trú tại : Bản K, S, B, Cao Bằng và Lý Thị D3; sinh năm 1992, trú tại Bản T, S, Bảo L nhận làm. Một đến hai ngày sau (không xác định được ngày cụ thể) những người có tên trên lên khu rừng phía sau nhà T để phát dọn cây, Lý Thị D4 có gọi thêm mẹ là Sùng Thị S; sinh năm 1969, trú tại Bản K, S, B, Cao B lên làm cùng. Việc phá rừng diễn ra trong 02 ngày, 07 người được thuê dùng dao để phát các cây dây leo, cây bụi và chặt các cây nhỏ còn các gốc cây to Làu A Thào dùng cưa xăng, cưa trong vòng nửa ngày, sau khi các gốc cây to đổ xuống những người làm thuê sẽ dùng dao chặt các cành nhỏ cho gọn. Sau khi làm xong T bảo mọi người xuống nhà để trả tiền, T lấy ra 3.000.000 đ chia đều cho 7 người. Mục đích Làu A T thuê người phá rừng để lấy đất trồng các loại cây phát triển kinh tế gia đình. Ngày 14/3/2025 Làu A T đã đến Chi cục thi hành dân sự huyện B tạm nộp 3.000.000đ

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định yêu cầu định giá tài sản để xác định thiệt hại. Tại bản kết luận định giá tài sản số 19 ngày 25/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: Giá trị của 53,205m^3 gỗ thông thường, thời điểm định giá 25/6/2024 có giá là 26.070.450đ (hai mươi sáu triệu không trăm bẩy mươi nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

Quá trình điều tra, xác minh: Đối với 666 cây gỗ tại khu rừng bị chặt hạ khi kiểm đếm được bàn giao cho Ủy ban nhân xã S bảo quản, chờ xử lý theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự, Ủy ban nhân dân xã S, được uỷ quyền tham gia tố tụng yêu cầu Làu A T nộp tiền bồi thường cho Nhà nước tương ứng trị giá số lâm sản bị chặt phá là 26.070.450đ.

Ngày 18/3/2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc đã ban hành Cáo trạng số 23/CT-VKSBL truy tố bị cáo Làu A T về tội "Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Làu A T Thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng truy tố.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự có đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc xem xét yêu cầu bị cáo Làu A T thực hiện việc bồi thường cho nhà nước số tiền 26.070.450 đồng do hành vi của bị cáo đã gây ra thiệt hại. Đối với 666 cây gỗ loại thông thường có khối lượng 53.205m^3 hiện đang được Ủy ban nhân dân xã S quản lý theo biên bản giao nhận đồ vật tài liệu, vật chứng ngày 05/4/2024 đề nghị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc xem xét đến hoàn cảnh gia đình của bị cáo Lầu A T5, bị cáo T5 là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, do nhận thức chưa đúng nên đã có hành vi phá hoại rừng với mục đích để có thêm diện tích đất để trồng các loại cây kinh tế khác, Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

* Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội. Khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Làu A T về tội

"Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật đã viện dẫn nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Bị cáo Làu A T phạm tội "Hủy hoại rừng"

- Về hình phạt: Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Làu A T mức án từ 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn đinh thời gian thử thách là 60 tháng.

- Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Làu A T nộp lại ngân sách nhà nước số tiền 26.070.045 đồng, xác nhận bị cáo đã nộp 3.000.000 đồng tại Kho bạc nhà nước, nay bị cáo còn phải nộp thêm 23.070.450 đồng

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị:

Đối với 666 cây gỗ thông thường có khối lượng 53,205m^3 đề nghị xem xét giao cho Ủy ban nhân dân xã S xử lý tận thu theo quy định.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Làu A T là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí do đó được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Ông Bế Kim T2 trình bày lời bào chữa cho bị cáo:

Nhất trí quan điểm truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo Làu A T về tội danh, điều luật, hình phạt.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã được làm rõ nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội *"Hủy hoại rừng"* theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo là dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái nên đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có nhân thân tốt, trình độ học vấn thấp, gia đình thuộc hộ nghèo, mục đích của việc phá rừng là để có đất trồng các loại cây phát triển kinh tế khác. Quá trình sinh sống luôn chấp hành tốt các nội quy quy định của địa phương, chính sách pháp luật của nhà nước, đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả do hành vi của mình gây ra. Nhất trí với đề nghị của V1 đại diện Viện kiểm sát về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt theo mức đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, xem xét miễn án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Làu A T nhất trí với lời bào chữa, không bổ sung.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo trình bày do thiếu hiểu biết nên đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi

phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo điều kiện được đi làm, kiếm tiền chăm lo cho các con còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀN ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về các hành vi và quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện B, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản kiểm tra việc phá rừng trái pháp luật xảy ra tại xóm B, xã S, huyện B, tỉnh Cao Bằng do Hạt Kiểm lâm B1 lập ngày 25/3/2024; biên bản về việc Đo trữ lượng gỗ ở vị trí rừng tự nhiên bị phá trái pháp luật tại xóm B, xã S, huyện B, tỉnh Cao Bằng và biểu đo đếm cây do Hạt Kiểm Lâm huyện B1 lập ngày 05/4/2024; biên bản về việc đo diện tích phá rừng trái pháp luật tại xóm B, xã S, huyện B, tỉnh Cao Bằng kèm theo sơ đồ trích đo thửa đất thuộc tờ bản đồ địa chính; biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung, lời khai của người làm chứng, vật chứng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định:

Trong khoảng cuối tháng 02 năm 2024, tại khu rừng lô D, khoảnh 03, tiểu khu A thuộc một phần thửa đất số 137, tờ bản đồ số 01 xóm B, xã S, huyện B, Cao Bằng. Làu A T tuy không được phép của Cơ quan có thẩm quyền, nhưng đã có hành vi thuê 07 người dùng dao, cưa xăng chặt, phá rừng trái phép với tổng diện tích là 14.047,4m^2. Khu rừng bị chặt phá là loại Rừng tự nhiên lá rộng thường xanh phục hồi. Mục đích sử dụng là rừng sản xuất.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với mọi hành vi do mình gây ra, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp.

Hành vi của bị cáo Làu A T thuê 07 người dùng dao, cửa xăng chặt, phá rừng trái phép với tổng diện tích 14.047,4m^2 đã có đủ yếu tố cấu thành về tội "Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự.

[3]. Về nhân thân; Tình tiết giảm nhẹ; Tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Nhân thân: Bị cáo Làu A T là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế khó khăn; gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, tự nguyện nộp số tiền 3.000.000 đồng để bồi thường khắc phục hậu quả; được nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ

hình phạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt chính:

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi phạm tội; nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy mục đích phá rừng của bị cáo Làu A T6 là để có thêm đất trồng cây phát triển kinh tế. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, được hưởng nhiều tình tình tiết giảm nhẹ, trong đó có hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, xét bị cáo có khả năng tự cải tạo. Do đó, căn cứ vào các quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 15/5/2018 Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP. Hội đồng xét xử nhận định: Không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, có thể xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo theo như mức đề nghị hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc và trợ giúp viên pháp lý là phù hợp, như vậy cũng đủ sức răn đe để bị cáo cải tạo, sửa chữa lỗi lầm, trở thành người công dân có ích. Việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Điều đó cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo phải nộp ngân sách nhà nước số tiền 26.070.045 đồng. Xác nhận bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 3.000.000 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc theo biên lai số 0003822 ngày 14/3/2025. Bị cáo còn phải nộp thêm số tiền 23.070.450 đồng.

[5]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên và Người bào chữa về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác là phù hợp với quy định của Pháp luật nên cần được chấp nhận.

[6]. Về các vấn đề khác;

Đối với những người được bị cáo T thuê phát dọn rừng gồm: Làu A, Thào Thị V, Hoàng Thị T4, Làu Thị Đ1, Làu Thị D5, Sùng Thị S, Lý Thị D4 đều biết vị trí rừng bị phá hiện nay do T sử dụng, trước khi phá rừng T có xin cơ quan chức năng không thì những người này không biết, chỉ được Thào thuê, không phải chủ mưu. Do vậy, Cơ quan điều tra không tiến hành xử lý đối với những người này là có căn cứ.

Đối với cái máy cưa xăng T khai được dùng cưa các cây to, Quá trình điều tra khi T đi làm công nhân, do không có tiền để mua lương thực cho các con của

T, bố đẻ T là ông Làu A T1 đã bán cho người thu mua đồng mát, do vậy không truy thu được.

[7]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với vật chứng là:

+ Đối với 666 cây gỗ loại thông thường có khối lượng là 53.205m3 hiện đang được Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Cao Bằng quản lý. Xử lý giao cho Ủy ban nhân dân xã S xử lý tận thu theo quy định.

[8]. Về án phí:

Bị cáo Làu A T là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự và hình sự sơ thẩm.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

Bị cáo Làu A T phạm tội "Hủy hoại rừng".

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình, xử phạt bị cáo Làu A T 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 586, 592 Bộ luật dân sự 2015

Buộc bị cáo phải nộp ngân sách nhà nước số tiền 26.070.450 đồng. Xác nhận bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 3.000.000 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc theo biên lai số 0003822 ngày 14/3/2025. Bị cáo còn phải nộp thêm số tiền 23.070.450 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của luật Tố tụng hình sự.

Đối với 666 cây gỗ loại thông thường có khối lượng là 53.205m3 hiện đang được Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Cao Bằng quản lý. Xử lý giao cho Ủy ban nhân dân xã S xử lý tận thu theo quy định.

Xác nhận toàn bộ vật chứng nêu trên đã được Hạt Kiểm Lâm B1 chuyển cho Ủy ban nhân dân xã S quan lý tại biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 05/4/2024.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Lầu A T5 được miễn án phí án phí dân sự và án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo phần Bản án sơ thẩm liên quan đến việc bồi thường trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Bảo Lạc;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lạc ;
- Phân trại tạm giam khu vực huyện Bảo Lạc;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu A/v; Hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trương Văn Nhường